

# 2

## **tâm lý về các cảnh thấy của thân trung ấm**

Một ý nghĩa tâm lý nào đó đều dính liền với mỗi một thân thể hiện ra trong TTA. Nhưng muốn nắm vững các thân thể ấy học giả không nên quên rằng các cảnh tượng hiện ra cho người chết thấy trong TTA đều hư huyền. Thật vậy, đó là những ảo giác biểu lộ các tướng tượng do tâm thức của người chết thấy mà thôi. Nói các khác, những ảo giác đó chính là các hình tướng được nhân cách hoá của những thôi thúc thuộc tinh thần của người sống trong tình trạng mơ màng sau khi chết.

Như vậy, các thân thể thuần hoà là các hình tướng được nhân cách hoá của những tình cảm thuộc nhân tính tao nhã nhất, gốc ở trung tâm tâm lý con tim. Chúng hiện ra trước, dưới dạng thân thể, bởi vì theo tâm lý mà nói thì các thôi thúc của con tim đi trước các thôi thúc thuộc trí não. Chúng đi đến trạng huống thuần hoà để điều khiển và gây ảnh hưởng nơi người chết đã để lại, vì các mối liên hệ của họ với thế giới loài người chỉ vừa mới bị đứt đoạn.

Người chết đã để lại đằng sau họ những bà con thân thuộc, những bạn bè, công việc dở dang, những ước muốn chưa thoả mãn. Trong nhiều trường hợp họ cảm thấy sự quyến luyến sâu sắc, và ước mong tìm lại được cơ hội đã mất để được giác ngộ về tinh thần trong sự nhập thể ở kiếp người.

Nhưng nghiệp lực mạnh hơn mọi thôi thúc cũng như mọi sự luyến tiếc. Nếu nghiệp thức của người chết không cho họ được giải thoát trong các giai đoạn đầu thì họ đi lang thang qua các giai đoạn khác, trong đó các thôi thúc của con tim nhường chỗ cho các thôi thúc của trí não.

Như các thân thể thuần hoà nhân cách hoá các tình cảm, các thân thể phần nộ nhân cách hoá các lý luận và xuất phát của chúng là từ trung tâm tâm lý của trí não. Nhưng, cũng như một thôi thúc phát xuất từ con tim có thể biến đổi thành lý luận trong trí não, cho nên các thân thể phần nộ có thể là các thân thể thuần hoà hiện dưới một trạng thái khác.

Sau khi các thôi thúc tao nhã của con tim giảm bớt thì trí não đi vào hoạt động, và người chết càng lúc càng thực hiện được tình trạng đang diễn tiến. Họ bắt đầu dùng các khả năng siêu thường của TTA theo lối một đứa trẻ mới sinh bắt dùng các khả năng thuộc giác quan. Người chết có thể suy nghĩ để tìm cách đạt đến giai đoạn nào đó của cuộc sống nhưng nghiệp lực lại lôi kéo họ, vì nghiệp lực luôn luôn làm chủ tình hình và tạo thành giới hạn ràng buộc người chết phải tuân theo.

Trên bình diện con người thì các thôi thúc thuộc tình cảm hoạt động mạnh trong thời son trẻ và rồi giảm dần trong thời gian đi dần về tuổi già để được thay thế bằng thôi thúc thuộc lý

luận. Như vậy, sau khi chết, trong tình trạng TTA, thì các kinh nghiệm ban đầu sung sướng hơn các kinh nghiệm sau. Mặt khác, xét theo khía cạnh các thân thể khác thì chính bản thân người chết là biểu hiện của các thân lực phổ quát khác mà người chết có thể có mối liên hệ với các thân lực đó.

Người chết, là cái tiểu vũ trụ nằm trong đại vũ trụ; tất cả mọi thôi thúc đều có thể thâm nhập vào họ, cùng các lực tốt cũng như xấu khác.

Như vậy, Tổng-thể Phật (Samanta Bhadra) là cái Thiện phổ quát, nhân các hoá thực tại, tức là là cái ánh sáng trong suốt nguyên sơ của Pháp-thân vô sinh, và vô hình. Đức Tỳ-lô giá-na (Vairo-chana) là nguồn gốc của tất cả các hiện tượng, là nguyên nhân của các nguyên nhân. Như ông cha Phổ-quát, đức Tỳ-lô giá-na biểu lộ hay phóng ra xa mọi sự vật như gieo giống. Phật mẫu, Hư-không Nhân là lòng phổ quát đón nhận các hạt giống ấy, nơi đó chúng có thể vận hành như trong một hệ thống của các thế giới. Kim-cang tát-đoả tượng trưng cho cái bất biến. Đức Bảo-sanh là vị trang hoàng, là nguồn gốc của mọi cái đẹp trong vũ trụ. Đức A-di-đà là lòng từ bi vô hạn, và tình thương thánh thiện là đấng Christos. Bất-không thành-tựu Như-lai nhân cách hoá quyền năng tối thượng, hay sức vạn năng.

Các thân thể bậc thấp: anh hùng, da-ki-ni, tiên, vua diêm vương, quỷ vương, thần quỷ, thần linh và các bậc khác thuộc cõi âm tương ứng với các tư tưởng thuộc con người, như đam mê, sự thôi thúc cao hay thấp, thuộc nhân tính, như siêu nhân hoặc hạ tiện, lấy hình thức nghiệp lực trong các mầm tư tưởng, tạo nên ý thức mà người đời thường quan niệm.

Như đã trình bày trên đây, không một thân thể hay hữu thể nào của tâm thần mà có cuộc sống cá vị nào thật sự hơn sự sống của con người. Đối với người chết, khi trông thấy các hữu thể ấy, họ chỉ cần biết rằng các hiện tượng đó là sản phẩm của những tưởng tượng riêng của họ là đủ. Vì hiện tượng đó đơn thuần là nội dung của ý thức *hiện cảnh* bởi tác dụng của nghiệp thức, cũng như các hình dạng trong tình trạng trung gian của những hoa đốm trong hư không, dệt thành giấc mộng.

Sự nhận thức trọn vẹn về tâm lý này của người chết, giúp giải thoát họ trong thực tại. Vì lẽ đó mà tập TTA như cái tên đã chỉ rõ, là *đại giáo lý của sự giải thoát bằng sự nghe và sự thấy*.

Người chết là khán giả duy nhất của một toàn cảnh kỳ diệu của những thấy biết ảo giác; mỗi mầm tư tưởng của nội dung ý thức, theo nghiệp lực sống lại, và người chết, giống như một đứa bé kinh ngạc khi nhìn thấy các hình ảnh được phóng trên màn ảnh. Nó quan sát nó, nhìn thấy nó mà không biết tách không thực, hư huyền của mọi sự vật hiện ra trên màn ảnh đó.

Trước tiên là các cảnh sung sướng và vinh quang, phát xuất từ những mầm mống thôi thúc và khát vọng có tính cách thánh thiện nhất. Các cảnh đó làm cho người không được truyền thọ phải sợ. Kế đó, các cảnh kia tan biến thành những cảnh phát xuất từ những yết tố tâm thần tương ứng với bản chất thấp kém hay thuộc thú tính. Các cảnh này làm cho người chết hoảng hốt và muốn chạy trốn. Nhưng than ôi! Như đã trình bày trước đây các cảnh ấy với người chết không hề rời nhau. Nên dù học có chạy trốn ở đâu, chúng cũng chạy theo sát bên họ.

Không nên tin rằng mọi người chết đều trải qua cùng chung hiện tượng trong cùng giai

đoạn ở tình trạng trung gian, cũng như họ không cùng từng chung sống hoặc không nhìn thấy cùng hình ảnh trong các cơn mộng. Những thí dụ trong TTA là đơn cử và gợi ý về tất cả các kinh nghiệm sau khi chết. Sự mô tả chi tiết những gì mà các cảnh có thể hiện ra cho TTA thấy về nội dung ý thức của một môn đồ bình thường thuộc trường phái Mũ Đỏ của nhà sư Liên Hoa Sanh.

Một khi người ta học được điều gì thì người ta tin và dùng điều ấy. Như vậy nếu ví tư tưởng là sự vật thì người ta có thể gieo trồng nó, như gieo vào nó vào tâm thức của một đứa trẻ và chi phối trọn vẹn tâm trí đứa bé đó.

Nếu nhận thấy đất thích hợp với loại hạt giống gì người ta sẽ gieo hạt giống đó, bất kể là giống tốt hay xấu, dị đoan hay chân lý, hạt giống sẽ bén rễ, mọc lên, và phát triển trong con người đó, tao nên một con người đúng theo cái giống đã được gieo vào. Do đó, đối với một Phật tử của mọi trường phái, cũng như đối với một người Ấn-độ, một người Hồi-giáo, hay Cơ-đốc giáo; mỗi người sẽ trải qua kinh nghiệm về TTA khác nhau.

Các tưởng tượng trong một giấc mộng của người Phật tử hay của người Ấn-độ thường là cảnh tượng tương ứng với các thần thể của thánh điển Phật giáo hoặc Ấn giáo. Một người theo Hồi giáo sẽ thấy thiên đàng của Mahomet. Người theo Cơ-đốc giáo sẽ thấy Trời cơ-đốc. Người thổ dân châu Mỹ sẽ thấy miền đất sẵn bầy với niềm sung sướng. Cũng theo cách thức đó, người duy vật sau khi chết sẽ thấy những cảnh cũng phủ định, cũng trống rỗng, không có thần thể như cảnh trí mà họ đã mơ về khi còn trong thân xác con người.

Nói một cách hợp lý thì phải chú ý rằng: các kinh nghiệm sau khi chết, như lời huấn thị trong sách TTA đã hướng dẫn, các kinh nghiệm ấy hoàn toàn phụ thuộc vào nội dung tâm tưởng của mỗi người, Hay nói cách khác, tình trạng sau khi chết rất giống với tình trạng của một giấc chiêm bao, và các giấc chiêm bao ấy là do tâm trạng của người nằm mộng sinh sản ra.

Tâm lý này giải thích một cách khoa học tại sao những người sùng đạo, như tín đồ Cơ-đốc giáo chẳng hạn, nếu không chấp nhận các chứng cứ của các bậc thánh và những ảo tưởng—khi họ xuất thân, hay ở trong mộng, hoặc sau khi chết, đều thấy đức Chúa Cha ngồi trên ngôi trong xứ Tân Jerusalem, có đức Chúa Con ngồi bên cạnh, thấy cả các cảnh giống như trong kinh thánh nói bao gồm các thuộc tính của bầu trời, thấy đức Mẹ đồng trinh, các Thánh, các Thiên sứ thượng đẳng, hoặc chỗ đền tội và địa ngục.

Sách TTA hình như được căn cứ trên những dữ kiện có thể kiểm chứng được qua các kinh nghiệm của loài người về mặt sinh lý và tâm lý. Do đó vấn đề sau khi chết được được xem là rất đơn thuần về mặt về tâm-vật lý, rất khoa học. Từ đó có thể nói rằng, những gì trông thấy trong tình trạng TTA là hoàn toàn xuất phát từ nội dung tâm trạng riêng của người thấy mà ra. Không có cảnh nào, thiên thần hay chúa quỷ nào, thiên đàng hay địa ngục nào ngoài các hiện tượng phát xuất từ các ảo giác thuộc nghiệp thức của những tưởng tượng cấu tạo ra người đó, gọi là *nhân vị*. Nhân vị này là sản phẩm vô thường thoát thai từ sự khao khát hiện hữu và từ ý chí muốn sống còn.

Từ ngày này sang ngày khác, các cảnh của TTA thay đổi phù hợp với sự bùng nổ các tưởng tượng của người trông thấy chúng cho đến khi nghiệp lực dẫn đạo động lực tạo ra chúng

cạn tất. Một thí dụ khác, ta có thể nói rằng: các tướng tướng do xu hướng thường ngày phát sinh đã được tâm thức ghi nhận như sự thu hình ảnh và âm thanh trong một cuốn phim. Khi cuốn phim được trải ra—tức tình trạng sau khi chết—người đang mộng bước ra khỏi cuốn phim ấy để nhìn lại những hình ảnh đã ghi vào trước đó y hệt như các hiện tượng của thế giới đang sống.

Kinh Thánh của Cơ-đốc giáo, cũng như kinh Koran của Hồi-giáo hình như không hề xem các kinh nghiệm thuộc tâm thần ấy là dạng thức của ảo giác do các nhà tiên tri hay của tín đồ sùng đạo tưởng thấy có thể không thật. Riêng sách TTA thì xác định một cách rõ ràng cho người đọc thấy rằng: mọi cảnh trông thấy bất cứ là cảnh gì, đều là giả tưởng.

Hình ảnh các thánh linh, thiên thần, ác quỷ, thiên đàng, chỗ hành hình hay địa ngục xuất hiện trong giai đoạn TTA hoặc trong tình trạng xuất thần nhập hoá nào đó; căn cứ trên các hiện tượng của sống luân hồi; tất cả đều là ảo mộng.

Toàn bộ các lời giáo huấn trong sách TTA như đã nói, đều hướng về việc tạo nguyên nhân cho *sự thức tỉnh* của người đang *mộng* trở về với *thực tại*. Người đang mộng một khi đã thoát khỏi mọi che mờ của ảo tưởng thuộc nghiệp thức hay thuộc sự sống luân hồi thì họ phải đạt được một trạng niết bàn siêu thế vượt lên trên các hiện tượng: thiên đàng, địa ngục, các cõi trời, nơi đền tội, hay thế giới nhập xác.

Trong ý nghĩa đó, sách TTA là thuần túy thuộc Phật giáo, và nó khác hẳn với mọi quyển sách khác không mang màu sắc Phật giáo, bất kể sách đó thuộc thế tục hay một tôn giáo nào khác.

## **sự phán xét**

Tổng phán xét được mô tả trong bản văn của sách này và của cuốn *Sách Cho Người Chết ở Ai-cập* rất giống nhau về nhiều điểm thiết yếu khiến người đọc có thể nghĩ rằng cả hai quyển sách này từ một gốc mà ra.

Trong bản văn của người Tây Tạng vua Diêm-vương được gọi là Dharm-Ràja (phái Theravada gọi là Yama-Ràja); bản văn của người Ai-cập gọi là Osiris. Theo hai câu chuyện được kể lại, người ta thấy có việc xét xử tốt xấu bằng một cái cân định tội: Diêm-vương Dharma-Ràja dùng một cái cân có hai đĩa cân. Một đĩa đựng những viên sỏi màu đen tượng trưng cho tội lỗi và đĩa kia đựng sỏi màu trắng tượng trưng cho công đức, điều thiện. Trong khi đó Diêm-vương Osiris thì cũng dùng cái cân hai đĩa thì một đĩa đựng quả tim và đĩa kia đựng chiếc lông vũ. Quả tim tượng trưng cho hạnh kiểm hay tâm thức của người chết và chiếc lông vũ tượng trưng cho sự thật hay chân lý.

Trong quyển *Sách Cho Người Chết ở Ai-cập* thì người chết nói với quả tim mình rằng: “Chớ khởi lên thành việc hiển nhiên chống lại ta. Chớ nên là kẻ thù của ta trước vòng thánh thiện. Mong sao cho đĩa cân chớ lệch về phía chống lại ta, trước mặt ngài Thánh-vương Amenti.” Thần Toth có đầu khỉ là thần trí tuệ kiểm soát việc cân định tội này.

Trong sự phán xét của sách Tây Tạng thì cũng có Shinje đầu khỉ làm việc này. Cả hai cảnh đều diễn ra trước một bồi thẩm đoàn gồm các thiên thể, kẻ thì đầu thú, kẻ đầu người.

Trong một bản dịch của người Ai-cập thì có một vị thần hung dữ đang chờ để nuốt sống người chết nếu người này bị kết án. Trong bản văn của Tây Tạng thì các hung thần đứng đợi sẵn sàng đưa tội nhân vào thế giới hành hình.

Bảng tổng kết các tội lỗi mà đôi khi người ta nói là do thần trí tuệ Toth nắm giữ lại tương ứng với kính chiếu nghiệp do Dharma-Ràja cai quản. Có bản chép rằng kính chiếu nghiệp này do một thành viên trong bồi thẩm đoàn giữ. Trong cả hai quyển sách, độc giả đều thấy người chết bị xét xử đều hướng về quan toà để tự bào chữa là mình không hề làm điều gì ác. Có sách ghi rằng thần Osiris chấp nhận sự tự bào chữa như vậy. Trong khi trước mặt Dharma-Ràja thì sự bào chữa phải được kính chiếu yêu kiểm nghiệm.

Có lẽ sách của Tây Tạng và Ấn-độ có sự thêm thắt dựa theo ức thuyết tiền sử. Do vậy mới thấy có hai bản dịch của Ai-cập và của Tây Tạng. Như vậy bản dịch của Ai-cập có vẻ gần với bản gốc hơn.

Trong tập 10 của bộ *Livre de la République* (Sách của Nền Cộng Hoà), khi kể lại các cuộc phiêu lưu của Er trong thế giới bên kia, Platon có mô tả sự phán xét tương tự. Trong đó, người ta thấy có các quan toà, các bản nghiệp (gắn vào linh hồn bị phán xét), và những con đường dẫn lên Trời. Người hiền thì vào con đường dẫn lên trời, và người ác thì vào con đường đi xuống địa ngục. Các hung thần đứng đợi để dẫn linh hồn nào bị kết án vào chỗ bị trừng phạt đúng như sách TTA vậy.

Tín ngưỡng về sự đền tội, ngày nay đã được đạo Cơ-đốc tin nhận, và được chính Thánh Patrick dạy ở Ái-nhĩ lan. Tất cả các truyện truyền kỳ của người Celtes về thế giới bên kia và những chuyện tái sinh lẫn lộn với các tín ngưỡng và các bà tiên, truyện truyền kỳ của Proserpine được kể lại một cách phổ quát trong tất cả các sách thiêng của nhân loại; các giáo lý của giống người Semites (Tiểu Á Tế Á) về trời, địa ngục, về sự phán xét, và về sự sống lại; câu chuyện của Platon cùng tất cả các điều nêu trên là bằng chứng có một tín ngưỡng phổ quát chắc chắn đã hiện hữu từ thời xa xưa; có lẽ vào trước thời kỳ có các truyện cổ của xứ Babylone và của Ai-cập.

Có hai bức tranh mô tả sự phán xét ở Tây Tạng còn được lưu truyền cho đến nay. Một bức tranh do hoạ sĩ Tây Tạng tên là Lharipa-Pempa-Tendup-la vẽ năm 1919 được trưng bày tại tu viện Gantok trong tỉnh Sikkim. Bức khác thuộc một trong những bức bích hoạ đầu tiên và xưa nhất cùng đề tài này còn nguyên vẹn được lưu giữ tại điện Tadishing ở Sikkim có tên là ‘Bánh Xe Luân Hồi của Sự Sống’.

Xem xét hai bức tranh trên, Tiến sĩ L. A. Waddell mô tả như sau: “Sự phán xét bao giờ cũng có vua Diêm-vương vô tư Dharma-Ràja chủ toạ. Ngài cầm một tấm gương soi, trong đó hiện rõ linh hồn người chết. Cùng lúc quan thị thần Shinje cân lần lượt các hành động tốt đối chiếu với xấu bằng những viên sỏi màu trắng và màu đen.”

Theo Tiến sĩ Waddell cho biết nguồn gốc của hình ảnh đó là do một bức tranh cùng đề tài có tên là “Bánh Xe của Sự Sống” và thường được gọi là *hoàng đạo* (zodiac). Bức tranh này hiện đang được treo trên cánh cửa vào tầng hầm nhà số 17 ở Ajantà tại Ấn-độ. Điều này xác định tính cách cổ đại của tuồng phán xét mà bản văn được ghi chép lại trong sách TTA.

Các bản văn như vậy được thấy rất nhiều trong bản văn của Phật giáo Bắc tông, tuy chưa rõ được trích từ các kinh tạng hoặc do ngụ tạo mà có. Trong tạng Pa-li của Phật giáo Nam tông, cũng có những bản ghi lại tương tự. Thí dụ, bản Devaduta Vagga của Anguttara Nikàya và Devadàta Sùttam của Majjhima Nikàya. Bản sau này có thể tóm lược như vậy:

“Người được xưng dương là đức Phật. Ngài đang tạm trú tại tu viện Jetavana. Ngài hưởng về chư Tăng đang hội họp và nói về sự sống sau khi chết.”

Như một người có đôi mắt sáng ngồi giữa hai căn nhà, mỗi nhà có sáu cửa ra vào. Người ấy nhìn mọi người đi lại. Một trong hai căn nhà đó tượng trưng cho TTA hay là thân không có xác thân, còn căn nhà kia tượng trưng cho thân xác lúc còn sống. 12 cửa là cửa ra vào của sáu vòng tiến triển hay suy thoái của dòng sinh hoá.

Lúc đó, sau khi giải thích cách thức của nghiệp lực điều động mọi tình trạng của cuộc sống, đức Phật mô tả người làm ác bị dẫn đến trước vua Diêm-vương như thế nào, và bị vua hỏi cách sao về năm sứ giả của Tử thân.

Sứ giả thứ nhất được tượng trưng bằng một đứa bé mới sinh, nằm ngửa. Đứa bé nghĩ: đối với cuộc sống con người cũng như mọi chúng sinh khác cái già và cái chết thì không thể tránh được.

Sứ giả thứ hai đến dưới hình thức một cụ già khoảng 90, 100 tuổi, gầy yếu, khòm lưng như cái xà nhà nhỏ yếu oằn xuống vì sức nặng của cái mái, tay chống gậy, bước đi run rẩy, trông thật khốn khổ, tội nghiệp. Tuổi trẻ của cụ già đã bỏ đi vĩnh viễn, để lại cho cụ hàm răng gãy, sún, tóc bạc phơ, trán nhăn, má lõm, miệng móm, ... Cảnh này có nghĩa là đứa bé kia đã lớn, đã trưởng thành cho đến lúc suy nhược và chỉ còn chờ chết.

Sứ giả thứ ba là một người bị bệnh, phải ngã gục trong đống rác, không ai giúp đỡ nên không thể đứng dậy được nên phải nằm dài ra mà chịu trận. Hình ảnh này cho thấy rằng: bệnh hoạn thì không thể tránh được, cũng như cái chết vậy.

Sứ giả thứ tư là một kẻ bất lương đang chịu hình phạt ghê gớm: hình ảnh này cho thấy sự trừng phạt kẻ có tội trong thế gian này chẳng là gì so với các hình phạt của nghiệp lực sau khi chết.

Sứ giả thứ năm là một thầy ma đang rục rã. Từ tình trạng trương phồng lên, rồi xẹp xuống, và bị các sinh vật khác đục khoét để cuối cùng tan rã hoàn toàn. Hình ảnh này nhấn mạnh ý nghĩa của cái chết và sự dễ hư hoại của thân xác.

Đối với mỗi trường hợp Diêm-vương đều hỏi người chết là: “Có thấy sứ giả không?” Và người chết đều trả lời “Không thấy.” Lúc đó, vương bèn giải thích cho hồn người chết biết sứ giả là ai và ý nghĩa của thông điệp mà mỗi vị mang theo bên mình. Người chết liền nhớ lại và bắt buộc phải thừa nhận rằng họ không từng làm điều lành theo nội dung của thông điệp. Ngược lại người chết đã làm điều ác và lúc ấy cũng đã quên một điều: cái chết không bao giờ tránh được.

Căn cứ vào lời thú tội đó, Diêm-vương phán rằng: vì người chết không làm điều lành nên bây giờ phải lãnh chịu các hậu quả của nghiệp thức gây ra. Giông tố của địa ngục liền chụp xuống người chết; năm loại hình phạt để đền tội. Mặc dầu đau khổ khủng khiếp, người chết

không thể nào “chết” được.

Trong bản dịch của Anguttara Nikàya, có ba sứ giả: người già, người bệnh và thầy ma.

Đức Phật chấm dứt câu chuyện của Ngài như sau: “Nếu các người đã nhận ra thiên sứ mà vẫn hững hờ với đạo lý thì họ sẽ khổ lâu dài vì phải sinh ra trong những điều kiện thấp kém. Nếu các người có đức hạnh đã đón nhận các thiên sứ trong thế gian này thì họ không coi thường các thánh đạo. Vì hiểu rõ cái nguy hại của sự dính mắc là nguyên nhân của sinh tử, nên họ đến với cuộc đời này để dập tắt các điều khổ của sự sống còn bằng cách đạt đến điều kiện vô úy, điều kiện sung sướng và thoát khỏi các đam mê với tội lỗi.”

